

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017



CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 15 (mười lăm) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn ./).

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
- Bà Nguyễn Thanh Mai	Thành viên
- Bà Phạm Minh Hiền	Thành viên
- Bà Phạm Thị Bích Hạnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Anh Tuấn	Giám đốc
- Bà Nguyễn Thanh Mai	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Nguyễn Thị Hoài Thu	Trưởng ban kiểm soát
- Ông Trần Anh Quân	Thành viên
- Bà Đinh Thị Thu Phương	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Anh Tuấn

Số: 105 /2017/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco được lập ngày 15 tháng 08 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 07 đến trang 32 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.5 trong kỳ Công ty đã cho cá nhân vay bằng tiền mặt.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Trần Thị Nguyệt

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.860.701.219	32.960.904.333
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.717.363.706	2.142.626.063
1. Tiền	111		2.717.363.706	2.142.626.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.824.732.596	29.069.220.118
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.513.049.616	15.882.364.273
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	11.601.682.980	12.676.855.845
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	8.850.000.000	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.5	860.000.000	510.000.000
III. Hàng tồn kho	140	5.6	3.318.604.917	1.749.058.152
1. Hàng tồn kho	141		3.318.604.917	1.749.058.152
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.922.598.051	32.656.908.245
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.246.907.600	7.246.907.600
1. Phải thu dài hạn khác	216		7.246.907.600	7.246.907.600
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.356.033.050	5.297.114.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.356.033.050	5.297.114.066
- Nguyên giá	222		11.984.656.635	11.984.656.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.628.623.585)	(6.687.542.569)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	6.182.845.433	6.393.801.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		6.182.845.433	6.393.801.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	4.833.552.916	12.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.890.000.000	12.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(56.447.084)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.303.259.052	1.719.085.579
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1.303.259.052	1.719.085.579
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		65.783.299.270	65.617.812.578

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mẫu số B01a-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		24.561.695.320	24.857.556.767
I. Nợ ngắn hạn	310		24.561.695.320	24.857.556.767
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	6.505.752.433	6.514.286.715
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.947.800	22.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.017.064.265	3.458.159.064
4. Phải trả người lao động	314		243.855.899	335.464.019
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.637.970.468	3.252.774.468
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	143.909.169	263.872.501
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	11.008.195.286	11.011.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.221.603.950	40.760.255.811
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	41.221.603.950	40.760.255.811
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.000.000.000	35.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.221.603.950	5.760.255.811
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.760.255.811	3.985.333.913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		461.348.139	1.774.921.898
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.783.299.270	65.617.812.578

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

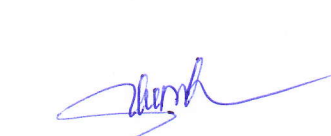
NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Huệ



Hoàng Thị Dương



Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B02a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	30.968.287.996	21.104.905.956
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.968.287.996	21.104.905.956
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	27.151.862.000	17.448.936.200
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.816.425.996	3.655.969.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	186.292	284.426.941
7. Chi phí tài chính	22	6.4	526.538.891	423.111.307
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		470.091.807	423.111.307
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	445.921.018	530.552.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.252.544.727	2.064.507.044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		591.607.652	922.225.446
11. Thu nhập khác	31		-	132.102.000
12. Chi phí khác	32	6.5	11.937.983	1.500.425
13. Lợi nhuận khác	40		(11.937.983)	130.601.575
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		579.669.669	1.052.827.021
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	118.321.530	183.694.205
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		461.348.139	869.132.816
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		132	248

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Huệ

Hoàng Thị Dương



Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)**

Mẫu số B03a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	34.180.927.450	20.566.727.909
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(28.623.689.619)	(16.146.403.954)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.451.801.920)	(1.903.183.365)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(470.091.807)	(423.111.307)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(33.000.000)	(450.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	392.979.979	472.305.194
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.677.968.018)	(170.904.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.317.356.065	1.945.430.477
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(83.482.650)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.850.000.000)	(7.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.450.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.560.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.292	284.426.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.739.813.708)	(1.599.055.709)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.633.020.873	3.700.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.635.825.587)	(4.157.854.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.804.714)	(457.854.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	574.737.643	(111.479.232)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.142.626.063	1.686.834.679
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.717.363.706	1.575.355.447

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hoàng Thị Dương

GIÁM ĐỐC



Phạm Anh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0100830798 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 1998. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã có 15 (mười lăm) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 17 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn ./.).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là Kinh doanh dịch vụ nhà hàng khách sạn, cung cấp suất ăn công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dò mìn và các hoạt động tương tự tại mặt bằng xây dựng);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Than đá, than non, than cốc, naphtha;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Quảng cáo trừ quảng cáo thuốc lá;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới không bao gồm môi giới bất động sản, chứng khoán, bảo hiểm, xuất khẩu lao động và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trừ thuốc lá ngoại;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (Trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, chứng khoán và hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý du lịch;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống. Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác (Không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke)
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (Trừ máy bay và khinh khí cầu);

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 cho mục đích công bố thông tin theo quy định của các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: Giá bình quân gia quyền
- Sản phẩm dở dang: Giá vốn nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung theo định mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| - Máy móc thiết bị | 03 - 10 năm |

4.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

4.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Chi tiết chính sách ghi nhận các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành..

4.9. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.10. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu và cổ tức:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.13. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.
- (vi) Thu nhập khác là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

4.14. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí tiền bản quyền, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.15. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Dịch vụ nhà hàng, khách sạn của công ty chịu mức thuế GTGT: 10%
- Cung cấp suất ăn công nghiệp chịu mức thuế GTGT: 0%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
Tiền mặt	1.476.829.553	2.079.739.440
Tiền gửi ngân hàng	1.240.534.153	62.886.623
- Tiền gửi ngân hàng VND	1.240.534.153	62.886.623
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.200.538	1.200.538
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	570.592	570.592
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	815.901	815.901
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.229.916	2.229.916
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Xuân Thủy	1.233.441.067	2.203.459
Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Văn Quán	1.155.000	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	59.078	59.078
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ	1.052.073	54.648.349
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia- CN Hà Nội	9.988	1.158.790
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	2.717.363.706	2.142.626.063

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.890.000.000	(56.447.084)	12.000.000.000		
- Đầu tư vào công ty khác	4.890.000.000	(56.447.084)	12.000.000.000		
- Công ty Cổ phần Phát triển hệ thống Việt - tỷ lệ sở hữu 19,22 % (i)	3.450.000.000	-	-		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Thịnh Đông Nai - tỷ lệ sở hữu 18,75 %	1.440.000.000	(56.447.084)	12.000.000.000		
Cộng	4.890.000.000	(56.447.084)	12.000.000.000		

(*) Xem Thuyết minh mục (iv) - Giá trị hợp lý, 8.1- Công cụ tài chính

(i) Theo Nghị quyết số 3006/NQ-ATS ngày 30/06/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco, Công ty đầu tư góp vốn 5,7 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Phát triển hệ thống Việt chiếm tỷ lệ 19,22 %.

Công ty Cổ phần Phát triển Hệ thống Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0107892352 ngày 20/06/2017. Đến thời điểm ngày 30/06/2017, Công ty mới đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nên công ty chưa lập Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	14.513.049.616	15.882.364.273
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	1.552.031.700	1.507.966.000
<i>Công ty TNHH Sumidenco Việt Nam</i>	1.552.031.700	1.507.966.000
Phải thu khách hàng khác	12.961.017.916	14.374.398.273
Cộng	14.513.049.616	15.882.364.273
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần thực phẩm Thảo Nguyên Xanh	1.703.944.300	1.096.435.550
Các công ty khác	9.897.738.680	11.580.420.295
Cộng	11.601.682.980	12.676.855.845

5.5 Phải thu khác và phải thu về cho vay

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	9.710.000.000	-	510.000.000	-
- Phải thu khác	220.000.000	-	220.000.000	-
- Tạm ứng (i)	640.000.000	-	290.000.000	-
- Phải thu về cho vay (ii)	8.850.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	7.246.907.600	-	7.246.907.600	-
- Tạm ứng dài hạn (i)	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	146.907.600	-	146.907.600	-
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (iii)	500.000.000	-	500.000.000	-
Cộng	16.956.907.600	-	7.756.907.600	-

c) Phải thu khác và phải thu về cho vay là các bên liên quan

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
(i) Chi tiết số dư tạm ứng:		
- Ông Trần Anh Quân (*)	6.600.000.000	6.600.000.000
- Ông Phạm Anh Tuấn	350.000.000	-
- Bà Đinh Thu Phương	290.000.000	290.000.000
Cộng	7.240.000.000	6.890.000.000

(*) Khoản tạm ứng dài hạn của ông Trần Anh Quân số tiền 6,6 tỷ đồng để thực hiện dự án: Xây dựng khu biệt thự Mùa Thu tại Dung Quất.

(ii) Cho vay bà Nguyễn Thị Hằng bằng tiền mặt theo hợp đồng số 3006/2017/HVT-ATS ngày 30 tháng 06 năm 2017, số tiền cho vay 3,1 tỷ đồng, từ ngày 30/06/2017 đến ngày 30/09/2017, lãi suất cho vay 3%/năm, gốc và lãi tất toán vào cuối kỳ.

(ii) Cho vay ông Vũ Thành Đức bằng tiền mặt theo hợp đồng số 1506/2017/HVT-ATS ngày 15 tháng 06 năm 2017, số tiền cho vay 5,75 tỷ đồng, từ ngày 15/06/2017 đến ngày 31/12/2017, lãi suất cho vay 3%/năm, gốc và lãi tất toán vào cuối kỳ.

(iii) Công ty Cổ phần Suất ăn Công nghiệp Atesco ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/DVKTMD ngày 11 tháng 09 năm 2014 với Công ty Cổ phần AAI Việt Nam về việc góp vốn khai thác mặt đất của Công ty Cổ phần AAI Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần AAI Việt Nam sẽ cung cấp suất ăn công nghiệp cho toàn bộ khách hàng của Công ty TNHH Hàng không MG.

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	892.597.644	-	397.146.341	-
Hàng hóa	2.426.007.273	-	1.351.911.811	-
Cộng	3.318.604.917	-	1.749.058.152	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 0 VND.

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
b) Xây dựng cơ bản dở dang	6.182.845.433		6.393.801.000	-
- Xây dựng khu biệt thự Mùa Thu tại Dung Quất, Quảng Ngãi	6.182.845.433	-	6.182.845.433	-
- Sửa chữa nhà hàng Cung Văn Quán	-	-	210.955.567	-
Cộng	6.182.845.433	-	6.393.801.000	-

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND
				Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.932.906.635	51.750.000		11.984.656.635
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	11.932.906.635	51.750.000	-	11.984.656.635
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.635.792.569	51.750.000		6.687.542.569
Tăng trong kỳ	941.081.016	-	-	941.081.016
- Số khấu hao trong kỳ	941.081.016			941.081.016
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.576.873.585	51.750.000	-	7.628.623.585
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	5.297.114.066	-	-	5.297.114.066
2. Tại ngày cuối kỳ	4.356.033.050	-	-	4.356.033.050

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng là 1.591.598.332 VND.

Nguyên giá tài sản cố định đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả là 0 VND.

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2017	01/01/2017
	(VND)	(VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	1.303.259.052	1.719.085.579
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.303.259.052	1.719.085.579
Cộng	1.303.259.052	1.719.085.579

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mẫu số B09a-DN

5.10 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		01/01/2017		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ		Giá trị
a) Vay ngắn hạn	11.008.195.286	11.008.195.286	8.633.020.873	8.635.825.587	11.011.000.000	11.011.000.000
Vay ngân hàng VND	11.008.195.286	11.008.195.286	8.633.020.873	8.635.825.587	11.011.000.000	11.011.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia - Chi nhánh Hà Nội (i)	11.008.195.286	11.008.195.286	8.633.020.873	8.635.825.587	11.011.000.000	11.011.000.000
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	11.008.195.286	11.008.195.286	8.633.020.873	8.635.825.587	11.011.000.000	11.011.000.000

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/106182/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2016 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia - Chi nhánh Hà Nội với hạn mức của hợp đồng là 15 tỷ đồng, thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tài sản đảm bảo là bất động sản tại số 32 ngõ 49 Văn Đồn, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội và bất động sản tại số 117 Văn Đồn, tổ 45 Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tài sản đảm bảo là tài sản cá nhân ông Phạm Anh Tuấn (Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc) và bà Nguyễn Thanh Mai (Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc).

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	-	-	-	-
Các khoản phải trả người bán khác	6.505.752.433	6.505.752.433	6.514.286.715	6.514.286.715
Cộng	6.505.752.433	6.505.752.433	6.514.286.715	6.514.286.715

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn**c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	125.406.800	-
Công ty TNHH Bảo Hân Hà Nội	128.001.232	220.001.232
Công ty TNHH V & P	196.349.999	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Thảo Nguyên	110.022.000	110.022.000
Công ty TNHH Phát triển Dịch vụ Thương mại Vận tải An Khánh	-	77.237.435
Các đối tượng khác	174.162.619	7.576.000
Cộng	733.942.650	414.836.667

d) Phải trả người bán là các bên liên quan**5.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
- Thuế GTGT	2.108.430.882	261.618.971	788.035.300	1.582.014.553
- Thuế TNDN	1.332.678.273	118.321.530	33.000.000	1.417.999.803
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	17.049.909	1.000.000	1.000.000	17.049.909
Cộng	3.458.159.064	380.940.501	822.035.300	3.017.064.265

b) Phải thu (Chi tiết cho từng loại thuế)

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	3.637.970.468	3.252.774.468
Chi phí thuê mặt bằng khách sạn	3.602.970.468	3.182.774.468
Chi phí kiểm toán	35.000.000	70.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	3.637.970.468	3.252.774.468

5.14 Phải trả khác

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a) Ngắn hạn	143.909.169	263.872.501
- Bảo hiểm xã hội	124.864.601	260.143.798
- Bảo hiểm y tế	13.179.345	2.581.416
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.865.223	1.147.287
b) Dài hạn	-	-
Cộng	143.909.169	263.872.501

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5.15 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	35.000.000.000		3.985.333.913	38.985.333.913
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi trong năm trước			1.954.921.898	1.954.921.898
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Phân phối lợi nhuận				-
Lỗ trong năm trước				-
Giảm khác			(180.000.000)	(180.000.000)
Số dư đầu năm nay	35.000.000.000		5.760.255.811	40.760.255.811
Tăng vốn trong kỳ này				-
Lãi trong kỳ này			461.348.139	461.348.139
Tăng khác				-
Giảm vốn trong kỳ này				-
Phân phối lợi nhuận				-
Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	35.000.000.000		6.221.603.950	41.221.603.950

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	35.000.000.000	35.000.000.000
Cộng		35.000.000.000	35.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	35.000.000.000	35.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	35.000.000.000	35.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	

d) Cổ phiếu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.500.000	3.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.500.000	3.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

d) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế	461.348.139	869.132.816
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	3.500.000	3.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	132	248

e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

5.16 Các thông tin khác do doanh nghiệp tự giải trình thuyết minh**6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
a) Doanh thu	30.968.287.996	21.104.905.956
Doanh thu nhà hàng, khách sạn	22.095.985.910	14.253.121.256
Doanh thu cung cấp suất ăn công nghiệp, suất ăn bệnh viện	8.872.302.086	6.851.784.700
Cộng	30.968.287.996	21.104.905.956

b) Doanh thu với các bên liên quan**c) Doanh thu ghi nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản****6.2 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Giá vốn nhà hàng, khách sạn	17.897.335.251	11.744.902.200
Giá vốn cung cấp suất ăn công nghiệp, suất ăn bệnh viện	9.254.526.749	5.704.034.000
Cộng	27.151.862.000	17.448.936.200

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền gửi	186.292	70.941
Lãi từ hợp tác kinh doanh	-	284.356.000
Cộng	186.292	284.426.941

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lãi tiền vay	470.091.807	423.111.307
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	56.447.084	-
Cộng	526.538.891	423.111.307

6.5 Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Các khoản lãi nộp chậm	9.343.668	-
Các khoản chi phí khác	2.594.315	1.500.425
Cộng	11.937.983	1.500.425

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẮN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm:	2.252.544.727	2.064.507.044
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.753.132.600	1.238.762.272
+ Chi phí nhân công quản lý	231.576.800	288.204.520
+ Chi phí khấu hao tài sản cố định, công cụ dụng cụ	1.521.555.800	950.557.752
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	499.412.127	825.744.772
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	445.921.018	530.552.900
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	346.922.000	502.925.000
+ Chi phí nhân công	346.922.000	502.925.000
- Chi phí bán hàng khác	98.999.018	27.627.900
Cộng	2.698.465.745	2.595.059.944

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	579.669.669	1.052.827.021
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	134.355.998
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.937.983	
+ Chi phí lãi chậm trả không được trừ	11.937.983	
Số lỗ được chuyển từ các năm trước		
Thu nhập chịu thuế	591.607.652	918.471.023
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	118.321.530	183.694.205

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.016.454.380	9.718.859.311
Chi phí nhân công	1.479.752.800	1.799.061.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	941.081.016	950.557.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.779.272	5.382.124.889
Chi phí bằng tiền khác	923.624.922	247.424.034
Cộng	16.864.692.390	18.098.026.986

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**Mẫu số B09a-DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.717.363.706		2.717.363.706
Phải thu khách hàng	14.513.049.616		14.513.049.616
Đầu tư	-	4.890.000.000	4.890.000.000
Phải thu khác	860.000.000	7.246.907.600	8.106.907.600
Tài sản tài chính khác	-	7.486.104.485	7.486.104.485

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Trừ

Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	18.090.413.322	19.623.012.085	37.713.425.407

Ngày 30/06/2017

Các khoản vay và nợ	11.008.195.286		11.008.195.286
Phải trả người bán	6.505.752.433		6.505.752.433
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.781.879.637		3.781.879.637
Tổng cộng	17.513.947.719		17.513.947.719

Chênh lệch thanh khoản thuần

576.465.603	19.623.012.085	20.199.477.688
--------------------	-----------------------	-----------------------

Ngày 01/01/2017**Giá trị ghi sổ**

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.142.626.063		2.142.626.063
Phải thu khách hàng	15.882.364.273		15.882.364.273
Đầu tư	-	12.000.000.000	12.000.000.000
Phải thu khác	510.000.000	7.246.907.600	7.756.907.600
Tài sản tài chính khác	-	8.112.886.579	8.112.886.579

Trừ

Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	18.534.990.336	27.359.794.179	45.894.784.515

Ngày 01/01/2017

Các khoản vay và nợ	11.011.000.000	-	11.011.000.000
Phải trả người bán	6.514.286.715		6.514.286.715
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	3.516.646.969		3.516.646.969
Tổng cộng	21.041.933.684	-	21.041.933.684

Chênh lệch thanh khoản thuần

(2.506.943.348)	27.359.794.179	24.852.850.831
------------------------	-----------------------	-----------------------

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.890.000.000	12.000.000.000	(*)	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.890.000.000	12.000.000.000	(*)	(*)
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng, phải thu khác	22.619.957.216	23.639.271.873	22.619.957.216	23.639.271.873
Tài sản tài chính khác	7.486.104.485	8.112.886.579	7.486.104.485	8.112.886.579
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.717.363.706	2.142.626.063	2.717.363.706	2.142.626.063
Tổng cộng	42.603.425.407	57.894.784.515	(*)	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ĂN CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	11.008.195.286	11.011.000.000	11.008.195.286	11.011.000.000
Phải trả người bán	6.505.752.433	6.514.286.715	6.505.752.433	6.514.286.715
Phải trả khác	3.781.879.637	3.516.646.969	3.781.879.637	3.516.646.969
Tổng cộng	21.295.827.356	21.041.933.684	21.295.827.356	21.041.933.684

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

8.2 Báo cáo bộ phận**8.2.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp và các lĩnh vực cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

Đơn vị tính: VND

	Nhà hàng, khách sạn	Suất ăn công nghiệp	Tổng cộng
Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017			
Doanh thu	22.095.985.910	8.872.302.086	30.968.287.996
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	17.897.335.251	9.254.526.749	27.151.862.000
Lợi nhuận gộp	4.198.650.659	(382.224.663)	3.816.425.996
Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016			
Doanh thu	14.253.121.256	6.851.784.700	21.104.905.956
Các khoản giảm trừ	-	-	-
Giá vốn hàng bán	11.744.902.200	5.704.034.000	17.448.936.200
Lợi nhuận gộp	2.508.219.056	1.147.750.700	3.655.969.756

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Ngày 30/06/2017

Tài sản trực tiếp của bộ phận	21.000.793.168	8.432.544.345	29.433.337.513
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			36.349.961.757
Tổng tài sản			65.783.299.270
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			24.561.695.320
Tổng nợ phải trả			24.561.695.320

Ngày 01/01/2017

Tài sản trực tiếp của bộ phận	20.632.261.056	5.987.981.487	26.620.242.543
Tài sản không phân bổ theo bộ phận			35.140.237.639
Tổng tài sản			65.617.812.578
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			24.857.556.767
Tổng nợ phải trả			24.857.556.767

CÔNG TY CỔ PHẦN SUẤT ẨM CÔNG NGHIỆP ATESCO

Địa chỉ: Tầng 6 tòa nhà Sky City Tower số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

8.2.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội và Hải Dương. Chi tiết kết quả kinh doanh theo từng khu vực như sau:

Doanh thu theo khu vực địa lý	Hà Nội	Hải Dương	Tổng cộng
Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017			
Doanh thu	15.735.573.732	15.232.714.264	30.968.287.996
Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016			
Doanh thu	14.253.121.256	6.851.784.700	21.104.905.956

8.3 Thông tin về các bên liên quanCác bên liên quan:

Ngoài các thuyết minh về các bên liên quan nêu trên, trong kỳ tài chính bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên gọi	Quan hệ
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Mai	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Ông Trần Anh Quân	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Đinh Thu Phương	Thành viên Ban kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan:

Ngoài các thuyết minh về bên liên quan nêu trên trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Nội dung	Số tiền phát sinh trong kỳ
Ông Phạm Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Tạm ứng	350.000.000

Thu nhập của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

Họ và tên	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Lương thưởng của Ban Giám đốc	128.850.000	30.000.000
Thù lao và thưởng của HĐQT	-	-
Cộng	128.850.000	30.000.000

8.4 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.


8.5 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.


8.6 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Thị Huệ

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Hoàng Thị Dương

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC

